TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 4255/2024/DS-ST
Ngày: 10/9/2024
V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương;

2. Bà Bùi Thị Phụng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Hoàng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 760/2024/DSST ngày 09 tháng 4 năm 2024, về việc "*Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5051/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6560/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần B, sinh năm 1986;

Địa chỉ: 2 L, phường A, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. *Có đơn xin vắng mặt.*

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ (giải thể ngày 20/5/2020).

Trụ sở: F đường số I, khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ: Ông Vũ Đức T, sinh năm 1981; Địa chỉ: F đường số I, khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng của nguyên đơn xác định: Vào năm 2017, ông biết Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ thông qua mạng xã hội. Sau đó ông có được mời tham dự các buổi hội thảo do công ty tổ chức và biết được công ty huy động vốn để đầu tư các dự án tại địa phương cũng như toàn quốc để kinh doanh nhà hàng, quán ăn, dịch vụ. Công ty cam kết trả lãi đúng như thỏa thuận, để làm tin cho người đầu tư, Công ty Đ đưa ra Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với vốn điều lệ là 20 tỷ đồng, nên ông đã tin tưởng và hợp tác ký với Công ty C Hợp đồng hợp tác đã ký kết số 4172 ngày 24/01/2017, số 4892 ngày 24/01/2017 và số 1554 ngày 24/01/2017. Các hợp đồng không ghi rõ số tiền hợp tác cụ thể mà tổng số tiền ông B đã góp hợp tác đầu tư của 3 hợp đồng trên là 45.000.000 đồng (*theo 02 phiếu thu*). Theo hợp đồng, tiền lợi nhuận hàng tháng của ông ở mức khởi nghiệp đầu tiên nên được chia trong 3%/ tổng lợi nhuận, được chi trả 10%/ tổng số tiền hợp tác, trả trong vòng 90 ngày làm việc, tiền vốn sẽ trả trong vòng 02 năm. Tuy nhiên sau đó công ty không có thực hiện trả tiền lợi nhuận và trả tiền vốn theo thỏa thuận. Ông đã tìm đến Công ty Đ để hỏi về khoản tiền gốp vốn nhưng không được giải quyết.

Nay ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Hủy bỏ các Hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh, yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc và phần cam kết sinh lời của 03 Hợp đồng với tổng số tiền là 160.000.000 đồng (*trường hợp công ty còn hoạt động kinh doanh trên thực tế và có sinh lời*) còn không ông đề nghị Tòa án buộc công ty trả lại số tiền đã nhận cho ông ngay khi tòa xét xử và trả tiền lãi cho đến khi thi hành án xong theo lãi suất quy định tại điều 468 bộ luật dân sự.

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến tòa để làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án Nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa hai bên phát sinh từ quan hệ hợp đồng dân sự về góp vốn đầu tư thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở trên địa bàn thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật

Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các Hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh số 4172 ngày 24/01/2017, Hợp đồng số 4892 ngày 24/01/2017, Hợp đồng số 1554 ngày 24/01/2017. Nội dung thỏa thuận xây dựng các Trung tâm phân phối, sử dụng dịch vụ và giao dịch bất động sản để kinh doanh và phân chia lợi nhuận, lợi nhuận hàng tháng mức khởi nghiệp đầu tiên được chia trong 3%/ tổng lợi nhuận, được chi trả 10%/ tổng số tiền hợp tác, trả trong vòng 90 ngày làm việc, tiền vốn đầu tư sẽ trả trong vòng 02 năm. Thực hiện hợp đồng ông B đã góp hợp tác đầu tư là 45.000.000 đồng theo 02 phiếu thu ngày 23/01/2017 và 24/02/2017.

Tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện việc trả lợi nhuận hàng tháng cho nguyên đơn, hết thời hạn hợp tác nhưng không trả tiền vốn góp nên vi phạm hợp đồng ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Quá trình tố tụng bị đơn không đến Tòa án tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không gửi văn bản hay giao nộp tài liệu chứng cứ liên quan đến giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn. Kết quả xác minh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H xác định công ty đã giải thể từ ngày 25/5/2020.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ và lời khai và tài liệu chứng cứ của nguyên đơn để xác định bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng hợp đồng nên yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 166 Điều 423, Điều 428 và Điều 505 Bộ luật dân sự.

Đối với tiền lãi kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nguyên đơn tự nguyện yêu cầu bị đơn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có cơ sở nên được ghi nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sở thẩm. H lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 6 Điều 84; Điều 166; Điều 423; Điều 468; Điều 505 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần B. Hủy bỏ các Hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh số 7524 ngày 21/10/2016; số 186 ngày 21/10/2016 và số 247 ngày 27/7/2016 giữa ông Trần B và Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ có người kế thừa quyền, nghĩa vụ là ông Vũ Đức T phải trả cho ông Trần B số tiền 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 2.250.000 đồng buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ có người kế thừa quyền, nghĩa vụ là ông Vũ Đức T chịu.

Ông Trần B được nhận lại tiền tạm ứng án phí 400.000 (Bốn trăm nghìn) đồng, theo biên lai số: 0026171 ngày 09/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP . HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP . HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp . Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự Tp . Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Khắc Hưng